

Họ và tên: Lớp:

TOÁN 1 – ÔN LUYỆN CỘNG/ TRỪ TRONG PHẠM VI 10

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ trống: $1 + 3 \dots 2 + 0$

- A. $=$ B. $>$ C. $+$ D. $<$

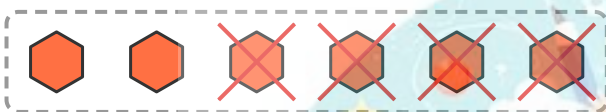
Câu 2. Phép tính nào dưới đây là sai?

- A. $1 + 0 = 1$ B. $0 - 0 = 0$ C. $2 + 5 = 8$ D. $4 - 0 = 4$

Câu 3. Số thích hợp điền vào ô trống trong phép tính $2 - ? = 1$ là:

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 0

Câu 4. Phép tính nào dưới đây phù hợp với hình vẽ?



- A. $9 - 7 = 2$ B. $6 + 4 = 10$ C. $6 - 2 = 4$ D. $6 - 4 = 2$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Từ các số 2, 2, 4, em hãy lập các phép tính cộng, trừ đúng.

Bài giải

Bài 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống.

- a) 9 ○ 8 b) 1 ○ 1 c) 10 ○ 6 d) 1 ○ 4

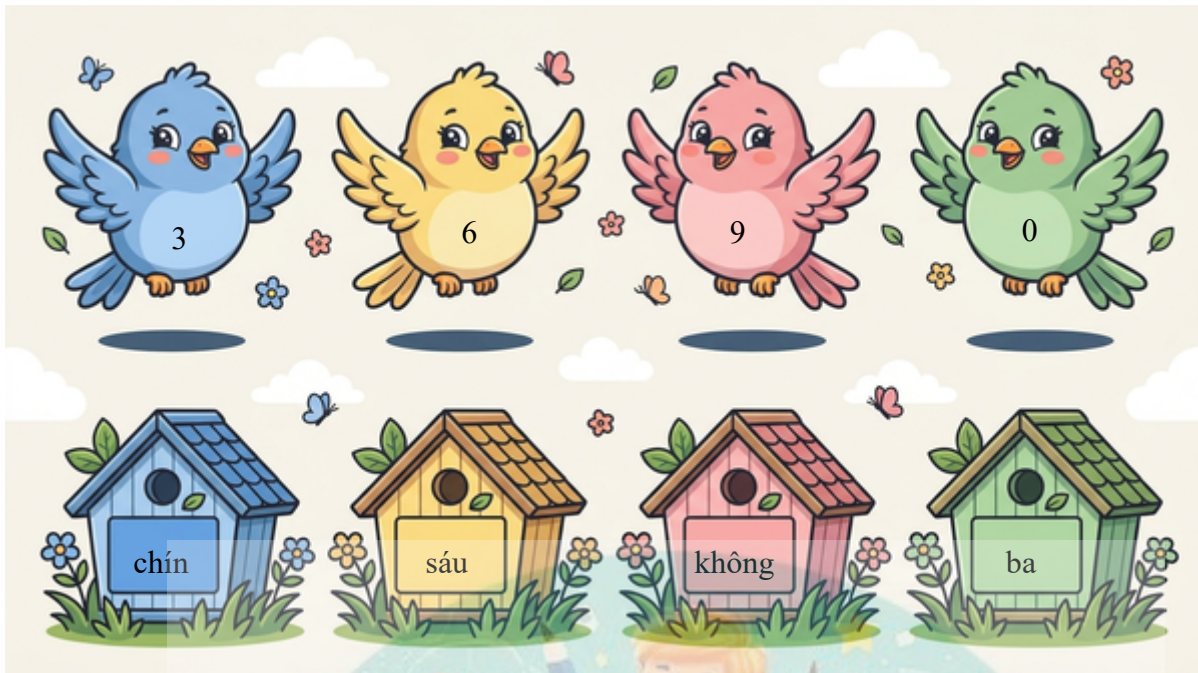
Bài 3. Tính.

- a) $0 + 0 = \dots$ b) $4 - 0 = \dots$ c) $1 + 0 = \dots$ d) $5 - 2 = \dots$
e) $7 + 1 = \dots$ f) $5 - 3 = \dots$ g) $3 + 0 = \dots$ h) $2 - 0 = \dots$

Bài 4. Điền số thích hợp vào ô trống.

- a) $10 - \dots = 3$ b) $\dots - 9 = 1$ c) $\dots - 2 = 3$ d) $9 - \dots = 1$

Bài 5. Nói mỗi cách đọc với số tương ứng.



Bài 6. Tính hoặc điền số thích hợp vào dấu ?

- a) $\dots + 7 = 9$ b) $6 + \dots = 9$ c) $\dots + 8 = 9$ d) $0 + 9 = \dots$

Bài 7. Trên cành cây có 7 con chim, 7 con đã bay đi. Vậy trên cành cây còn lại ... con chim.

Bài 8. An có 1 cái bút. Cúc có 9 cái bút. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu cái bút?

Trả lời: Cả hai bạn có tất cả cái bút.

Bài 9. Tính.

- a) $5 - 3 = \dots$ b) $6 - 4 = \dots$ c) $9 - 7 = \dots$ d) $4 - 4 = \dots$
e) $9 - 1 = \dots$ f) $5 - 1 = \dots$ g) $7 - 3 = \dots$ h) $4 - 3 = \dots$

Bài 10. Điền dấu $<$, $>$, $=$ vào ô trống.

- a) $10 \dots 9$ b) $9 \dots 1 + 0$ c) $2 + 5 \dots 7$ d) $2 - 2 \dots 6$

Bài 11. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

- a) 5, 8, 10: b) 10, 2, 6, 8:
c) 5, 3, 2, 1: d) 5, 6, 8:

---HẾT---